

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2023 - 2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Trường Tiểu học Tân Quang được thành lập năm 1952

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Thôn Hội Xá - xã Tân Quang - huyện Ninh Giang - tỉnh Hải Dương

- Điện thoại:, Diện tích: 6320 m².

- Địa chỉ http://ng_tthanquang.haiduong.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

- Sứ mạng: “Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao”

- Tầm nhìn: Phấn đấu trở thành trường chất lượng cao; là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em; là nơi giáo viên và học sinh luôn tự tin, năng động, sáng tạo và vươn tới thành công.

- Mục tiêu:

+ Huy động toàn bộ đội ngũ CB-GV-NV nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu quả hơn cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức - tự học - sáng tạo”; Tạo các mối quan hệ đúng đắn trong nhà trường; chăm sóc giáo dục học sinh rèn luyện đạo đức, lối sống; chấp hành tốt Pháp luật – kỷ cương - nề nếp, văn hóa nhà trường, ngoài xã hội và trong gia đình.

+ Phát triển đội ngũ CB-GV-NV vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ; tích cực đổi mới phương pháp dạy, học phù hợp và phát huy tính chủ thể đối với học sinh vùng nông thôn; luôn nêu cao ý thức và phấn đấu thực hiện tốt phong trào tự học tập, bồi dưỡng và hỗ trợ lẫn nhau trong việc phát triển chuyên môn và nhân cách nhà giáo của đội ngũ cán bộ, giáo viên của nhà trường.

+ Xây dựng môi trường sư phạm, văn hóa nhà trường qua việc phát huy tốt phong trào thi đua xây dựng “Trường học thân thiện - học sinh tích cực” với nội dung chủ yếu: tạo khung cảnh nhà trường luôn “Xanh - Sạch - Đẹp” môi trường sư phạm lành mạnh bên trong và xung quanh nhà trường; tạo sự đoàn kết gắn bó, tôn trọng nhau giữa các thành viên trong trường; hạn chế học sinh lưu ban, bỏ học; xây dựng phương pháp dạy - học tích cực cho học sinh ở trường, ở nhà;

học tập theo nhóm, tổ và tổ chức các hoạt động ngoại khóa, NGLL để giáo dục truyền thống, rèn luyện sức khỏe, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho học sinh.

+ Đổi mới công tác lãnh đạo và quản lý nhà trường; ứng dụng tích cực CNTT trong dạy học và quản lý. Xây dựng kế hoạch và huy động các nguồn lực từ nội tại và bên ngoài nhà trường trong đó chủ yếu là nguồn nội tại và của hội CMHS trường.

+ Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện đạt chất; xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn tạo được niềm tin với cấp uỷ, chính quyền nhân dân địa phương.

+ Tổ chức thực hiện tốt quy mô trường có 100% học sinh được học 2 buổi/ngày và đầu tư chất lượng giáo dục mũi nhọn.

- Tiếp tục duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

- Trường Tiểu học Tân Quang được thành lập từ năm 1952. Từ ngày thành lập đến nay, trường đã không ngừng phấn đấu vươn lên, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, ngày một khẳng định vị thế của mình trong sự nghiệp giáo dục của huyện Ninh Giang. Tháng 11 năm 2005, trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ra quyết định công nhận Trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ I.

Nhiều năm qua, các thế hệ thầy giáo, cô giáo, học sinh đã gắn bó với mái trường này và đã cống hiến cho sự nghiệp giáo dục của nhà trường, của quê hương Tân Quang. Các thầy cô đã thầm lặng viết lên những trang sử hào hùng, cao quý trong Sổ vàng truyền thống của nhà trường. Trải qua biết bao biến cố và thăng trầm của lịch sử, thực hiện lời dạy của Bác: *“Dù khó khăn đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy thật tốt, học thật tốt”*, trong mỗi năm học, giáo viên và học sinh nhà trường luôn thực hiện tốt phong trào, *“Mỗi thầy cô là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”*, xây dựng gương điển hình *“Sáng về đạo đức, sâu về chuyên môn, sắc về nghiệp vụ”*. Các cuộc vận động đã tác động lớn đến tư tưởng, đạo đức, lối sống và việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ chính trị của cán bộ, giáo viên, nhân viên; tập thể sư phạm nhà trường ngày càng đoàn kết, gắn bó; chất lượng học sinh đại trà có sự chuyển biến rõ rệt; chất lượng mũi nhọn giáo viên dạy giỏi và học sinh giỏi các cấp tăng dần theo từng năm học; uy tín, chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên.

Nhà trường đã được cấp bằng công nhận trường đạt Chuẩn Quốc gia Mức độ 1 năm 2005 theo QĐ số 105/QĐ-UBND ngày 11/01/2005.

Được công nhận lại vào tháng 02/2011 theo QĐ số 494/QĐ-UBND và tháng 10/2016 theo QĐ số 2742/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 và theo QĐ số 1322/QĐ-UBND ngày 20/5/2022.

Trong các năm học, nhà trường luôn cố gắng kế thừa, phát huy những thành tích đã đạt được, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và cơ sở vật chất dần hoàn thiện các tiêu chí của kiểm định chất lượng.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Tân Quang

Số điện thoại: 0987867373

Địa chỉ gmail: Thtanquang.ninhgiang@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường (Không có)

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường, danh sách hội đồng trường.

- Quyết định công nhận hội đồng trường số 647/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Ninh Giang về việc kiện toàn Hội đồng trường, trường Tiểu học Tân Quang nhiệm kỳ 2021-2026.

- Danh sách thành viên hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí việc làm hiện tại	Chức danh HĐT
1	Nguyễn Thị Thu	HT	Chủ tịch
2	Ngô Thị Huệ	PHT	Phó CT
3	Bà Nguyễn Thị Mẫn	TKHĐ	Thư ký
4	Nguyễn Thị Vân	TTCM	Ủy viên
5	Bùi Thị Tết	CTCĐN	Ủy viên
6	Nguyễn Thị Bưởi	BTĐTN	Ủy viên
7	Nguyễn Thị Diên	KT-VT	Ủy viên
8	Vũ Đình Công	ĐD UBND	Ủy viên
9	Nguyễn Gia Sông	Đại diện PHHS	Ủy viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm HT, PHT:

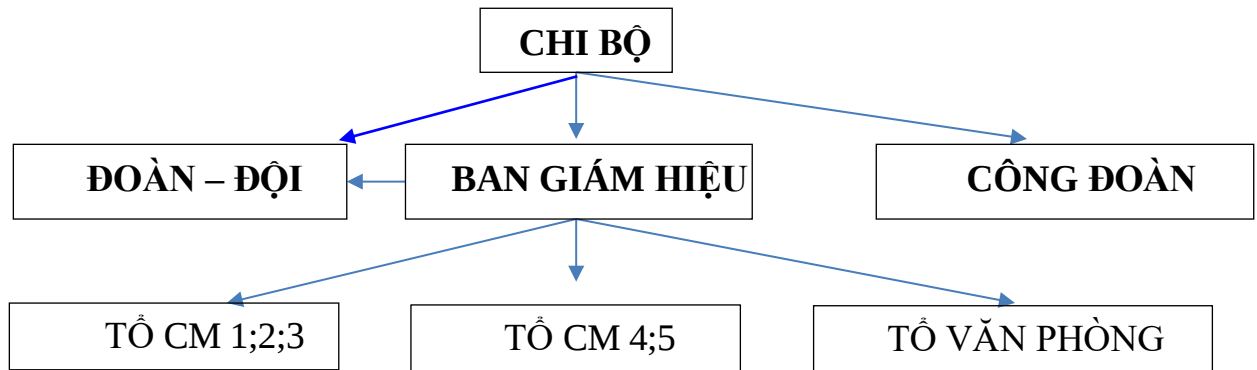
+ Quyết định số 4888/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân huyện Ninh Giang ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Tiểu học Tân Quang.

+ Quyết định số 1522/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân huyện Ninh Giang ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Tân Quang;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Quy chế làm việc của cơ quan ban hành kèm theo quyết định số 07/ QĐ-THTQ ngày 6/9/2024 của Trường Tiểu học Tân Quang, được công khai trên bảng tin của nhà trường.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thu

Số điện thoại: 0987867373

Thư điện tử: Thtanquang.ninhgiang@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ quan:

- Chiến lược phát triển giáo dục
- Quy chế dân chủ ở cơ sở
- Quy chế hoạt động của Hội đồng trường
- Các nghị quyết của Hội đồng trường
- Quy chế chi tiêu nội bộ
- Quy chế hoạt động của cơ quan

*** Đánh giá các mặt thuận lợi và khó khăn:**

Trường Tiểu học Tân Quang là trường công lập do UBND thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên; là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình giáo dục tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên địa bàn xã Tân Quang.

- Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Thuận lợi: - Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo ngành, của chính quyền địa phương và sự phối hợp nhiệt tình của các ban ngành đoàn thể, sự đồng thuận của phụ huynh học sinh.

- Tất cả các hoạt động giáo dục của nhà trường đều được cha mẹ học sinh ủng hộ nhất trí cao và phối kết hợp chặt chẽ, tích cực.

- Đội ngũ giáo viên luôn đoàn kết, nhiệt tình, nhiều giáo viên có kinh nghiệm trong giảng dạy và công tác chủ nhiệm.

- Trường có CSVC cơ bản đảm bảo mức chất lượng tối thiểu, đủ các phòng học cho học sinh học 2 buổi/ngày (Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày: 100%).

- Học sinh ngoan, chăm chỉ học tập, chất lượng giáo dục học sinh ổn định.

- CMHS nhà trường quan tâm ủng hộ và luôn chủ động kết hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục góp phần đảm bảo đáp ứng được yêu cầu đổi mới của giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Khó khăn:

- Trường thiếu nhân viên Y tế, vị trí GV chuyên MT, tin học là GV hợp đồng.

- Một số đ/c giáo viên giáo viên kinh nghiệm nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn chưa sâu.

- Việc đổi mới phương pháp dạy học, vận dụng kĩ thuật dạy học, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của một số giáo viên còn hạn chế. Trường chưa có GV đạt GV dạy giỏi cấp tỉnh.

- Chưa có nhiều HS đạt giải cao trong các cuộc thi giao lưu như bóng đá.

- CSVC nhà trường chưa đảm bảo theo tiêu chí trường chuẩn QG MD 1.

Thiếu các phòng gồm: 1 phòng học văn hóa, 1 phòng Mỹ thuật, 1 phòng Ngoại ngữ, 1 phòng Khoa học-Công nghệ, 1 phòng đa chức năng, 1 phòng truyền thống, 1 phòng tư vấn học đường. Trường thiếu sân tập mái che, bể bơi. Một số công trình phụ trợ chưa đạt tiêu chuẩn như khu vệ sinh GV, HS, nhà xe của GV-HS.

- Điều kiện kinh tế của địa phương và nhiều gia đình còn khó khăn nên việc đầu tư quan tâm, chăm lo cho giáo dục còn có hạn chế.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

Chức danh	SL	N ữ	Trình độ CM				Chính trị			Đoàn n TN CS	Tin học			Ngoại ngữ			Gh i ch ú
			Th. S	ĐH	CD	TC	TC LL CT	SC LL CT	Đản g		A (CB)	C N TT CB	CD Đ H	B/ A2	B1 / B2	CD Đ H	
1/ CBQL	2	2		2	0	0	2	0	2	0	2	01	0	2	0	0	
Hiệu trưởng	1	1		1			1	0	1	0	1	0	0	1	0	0	

P. Hiệu trưởng	1	1		1			1	0	1	0	0	1	0	1	0	0	
2/ GIÁO VIÊN	19	17	0	19	0	0	0	15	15	9	18	0	1	18	1	1	
GV VH	14	13	0	14	0	0	0	13	13	8	14	0	0	14	0	0	
Dạy Âm nhạc	1	1	0	1	0	0	0	1	1	0	1	0	0	1	0	0	
Dạy Mỹ thuật	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	
Dạy GDTC	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	
Dạy Tin-CN	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	
Dạy T. Anh	1	1	0	1	0	0	0	1	1	1	1	0	0		1	1	
TPT Đội																	KN
3/ NHÂN VIÊN	3	2	0	2	0	0	0	2	2	1	2	0	0	0	0	0	
Kế toán-VT	1	1	0	1	0	0	0	1	1	0	1	0	0	0	0	0	
TV-TB	1	1	0	1	0	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	
Y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Bảo vệ	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
T. CỘNG	24	21	0	23	0	0	2	17	19	9	22	0	1	21	1	1	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 23/23 (100%).

Trong đó: CBQL: 2; GV: 21.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

TT	Nội dung	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
I	Số phòng học/số lớp	13/13	
II	Loại phòng học		
1	Phòng kiên cố	12	
2	Phòng bán kiên cố	1	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	6320	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1320	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	702	

2	Diện tích thư viện (m ²)	54	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục Âm nhạc (m ²)	54	
5	Diện tích phòng giáo dục Mỹ thuật (m ²)	0	
6	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	54	
7	Diện tích phòng tin học (m ²)	45	
8	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	30	
9	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hoà nhập (m ²)	30	
10	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	30	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	3	
1.2	Khối lớp 2	3	
1.3	Khối lớp 3	2	
1.4	Khối lớp 4	3	
1.5	Khối lớp 5	3	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	1	
2.2	Khối lớp 2	1	
2.3	Khối lớp 3	1	
2.4	Khối lớp 4	1	
2.5	Khối lớp 5	1	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	15	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Tivi	15	
2	Máy chiếu vật thể	1	
3	Bảng tương tác	1	
4	Máy chiếu	1	

	Nội dung	Diện tích (m ²)
X	Nhà bếp	30
XI	Nhà ăn	40

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²) thực tế 2024	Số học sinh bán trú	Diện tích bình quân/HS
XIII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIV	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho GV	Dùng cho học sinh		Số m ² /HS	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	0	0	0	0	0
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	2	0	2	0	40

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện(lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối Internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Tiêu chuẩn Tiêu chí	Kết quả tự đánh giá				Kết quả đánh giá ngoài			
	Không đạt	Đạt			Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x	x			x	x	
Tiêu chí 1.1		x	x			x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x			x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x			x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x			x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x			x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x			x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x			x	x	

Tiêu chí 1.8		x	x			x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x			x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x			x	x	
Tiêu chuẩn 2		x	x			x	x	
Tiêu chí 2.1		x	x			x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x			x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x			x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x			x	x	
Tiêu chuẩn 3		x	x			x	x	
Tiêu chí 3.1		x	x			x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x			x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x			x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x			x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x			x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x			x	x	
Tiêu chuẩn 4		x	x			x	x	
Tiêu chí 4.1		x	x			x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x			x	x	
Tiêu chuẩn 5		x	x			x	x	
Tiêu chí 5.1		x	x			x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x			x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x			x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x			x		x
Tiêu chí 5.5		x	x			x		x

Kết quả: Đạt mức 2

Kết luận:

- **Kết quả Đánh giá ngoài:**
- **Kết quả Kiểm định Chất lượng Giáo dục: Cấp độ 2**
- **Kết quả Công nhận trường đạt chuẩn quốc gia: Mức độ 1**

Trong năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục thực hiện lưu trữ đầy đủ hồ sơ, sắp xếp khoa học theo quy định của Luật lưu trữ. Chỉ đạo tổ văn phòng thường xuyên kiểm kê, sắp xếp, mã hóa hệ thống hồ sơ của nhà trường để quản lý, sử dụng và lưu trữ thuận tiện, khoa học. Hiệu trưởng phân công các cán bộ, giáo viên phụ trách tập huấn lại những phần mềm quản lý kế toán, phần mềm phổ cập, phần mềm quản lý tài chính, tài sản, ... Nhà trường tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, quản lý tài sản, tài chính, trong việc lưu trữ các văn bản đồng thời sử dụng hiệu quả các phần mềm đang có, bố trí kinh phí mua phần mềm về công tác kiểm định chất lượng. Đề nghị kiểm tra công nhận lại trường chuẩn quốc gia sau 5 năm và đánh giá ngoài Kiểm định chất lượng giáo dục trong năm 2027.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. chất lượng giáo dục tiểu học thực tế Năm học 2023- 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Tổng số học sinh	346	73	50	71	80	72
2	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	100	100

3. Kết quả chất lượng giáo dục, khen thưởng học sinh toàn trường(NH 2023-2024(Bảng chi tiết đính kèm)

+ Chất lượng đại trà:

- Năng lực, phẩm chất: Tốt và đạt: 346/346 em
- Học sinh lên lớp: 272/274 em đạt tỉ lệ: 99,3 %(02 HS không hoàn thành lớp học do tự kỉ, không biết tự vệ sinh cá nhân, không tương tác với thầy cô. Tuy nhiên gia đình không hợp tác với nhà trường)
- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 72/72 em đạt 100%.
- Khen thưởng:
 - + HS xuất sắc: 116 em đạt 33,5 %
 - + HS có thành tích trong học tập môn (HS tiêu biểu): 75 em đạt 21,7 %

* *Học sinh giỏi Cờ vua cấp Huyện*: Đạt 08 em (trong đó có 01 giải nhất -Huy chương vàng; 01 giải ba; 06 giải khuyến khích).

- *Cờ vua cấp tỉnh*: 01 huy chương bạc; 01 huy chương đồng

* HS thi IOE cấp Huyện: HS thi IOE cấp huyện có 26 em đạt giải cấp huyện trong đó có 1 giải nhất, 2 giải nhì, 6 giải ba và 17 giải khuyến khích: cụ thể em Vũ Đình Hải Phong 5A – giải nhất 1910, em Nguyễn Minh Quân 5A – giải nhì 1770, em Phạm Lâm Hiến 4C – giải nhì 1780, em Phạm Nguyễn Minh Anh - giải ba 1720, em Đoàn Văn Phong 3C- giải ba 1670, em Nguyễn Khánh Linh 4C – giải ba 1750, em Phạm Bảo An 4A - giải ba 1740, em Đoàn Nguyễn Minh Thư 4 B – giải ba 1720, em Phạm thị Khánh Ngọc 5B - giải ba 1670.

- HS thi IOE quốc gia có 18/20 bạn tham gia đạt trên 1000 điểm đạt hoàn thành tốt kì thi QG, trong đó có bạn Vũ Đình Hải Phong 5A đạt 1940 điểm-HCB.

- HS tham gia thi Super English: 03 học sinh lọt vào vòng 2; 02 học sinh lọt vào top 50 toàn tỉnh: em toàn tỉnh Nguyễn Minh Quân; Phạm Nguyễn Minh Anh, em Phạm Minh Quân đạt giải Tiềm năng cấp tỉnh; nhận giấy khen HS tiêu biểu của Tỉnh đoàn.

* Kết quả HS tham gia thi Vioedu:

- Số lượng học sinh đạt Vioedu cấp huyện 15 em: Khối 1: 01 em; Khối 2: 1 em; Khối 3 : 03 em đạt; khối 4: 06 em đạt; khối 5: 04 em .

- Cấp tỉnh : Em Nguyễn Minh Quân (lớp 5) đạt huy chương đồng; Em Phạm Lâm Hiến(lớp 4) đạt huy chương đồng;

* Kết quả HS tham gia thi Violimpic Toán:

Cấp tỉnh: Khối 4: 17 đạt giải vàng, bạc, đồng, khuyến khích;

Khối 5: 17 đạt giải vàng, bạc, đồng, khuyến khích;

Khối 1,2,3: 4 vàng; 2 bạc, 01 đồng và 21 khuyến khích.

* Lớp tiên tiến: 13/13 lớp = 100%

* Bóng đá mi ni: kết quả chưa cao

3. Chất lượng mũi nhọn giáo viên:

- Kết quả các Hội thi, hội giảng các cấp:

+ 15 GV dạy giỏi cấp trường; 02 GV đạt GVDG cấp huyện, trong đó có 1 GV đạt giải tiết dạy sáng tạo.

- SKKN: Cấp trường 18 SKKN; có 4 SK đạt cấp huyện.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Căn cứ vào tình hình thực tế, trường đã ban hành các quy chế thực hiện công tác công khai, quản lý tài sản. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kì tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chỉ tiêu nội bộ. Nhà trường thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về công tác công khai trong cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT. Trong quá trình thực hiện, khi có điểm chưa phù hợp hoặc có vấn đề phát sinh do hướng dẫn chỉ đạo thay đổi của cơ quan quản lý tài chính cấp trên, quy chế chỉ tiêu nội bộ được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024)

Thời điểm đến ngày 31/8/2024:

- Dự toán đầu năm giao: 3.433.868.400 đồng;

- Bổ sung: 4.200.000 đồng;

Nguồn 13 (Nguồn thường xuyên): 0 đồng.

Nguồn 12 (Nguồn không thường xuyên): 4.200.000 đồng.

- Tổng NSNN 8 tháng đầu năm: 3.438.068.400 đồng.

- DT sử dụng: 2.353.971.500 đồng (Trong đó: Nguồn 13: 2.345.571.500 đồng; nguồn 12: 4.200.000 đồng).

- DT còn lại: 1.084.096.900 đồng

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Số tiền
1	Ngân sách năm 2024	Tổng kinh phí chi (Tháng 01/2024 đến tháng 8/2024) chi tiết như sau:	
		Tiền lương (TM: 6001)	1.071.790.100
		Tiền công (TM: 6051)	71.025.600
		Phụ cấp lương (TM: 6101- 6149)	562.590.900
		Học bổng và hỗ trợ khác cho HS (TM: 6157)	
		Các khoản đóng góp (Bảo hiểm, KP Công đoàn) (TM: 6301-6304)	313.535.900
		Chi khác (Trục tét, GV hợp đồng dạy HS khuyết tật) (TM: 6449)	6.300.000
		Thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, tiền nước), (TM: 6501-6502)	14.939.000
		Vật tư văn phòng (Khoản văn phòng phẩm; trang thiết bị trang trí trường lớp, thư viện) (TM: 6552.6553, 6599)	100.131.000
		Thông tin, truyền thông (Mạng internet), (TM: 6157)	
		Hội nghị (TM: 6657)	
		Công tác phí (TM: 6701-6702)	12.380.000
		Chi phí thuê mướn (Bảo vệ) (TM: 6757)	23.000.000
		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn (Gia hạn các loại phần mềm) (TM: 6907,6912,6913)	54.784.000
		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (Mua chữ ký số GV ký GA, Gia hạn chữ ký số bảo hiểm, thuế; Chi khen thưởng	69.535.000

		tập thể lớp, khen thưởng HS cuối năm học) (TM: 7001,7049)	
		Chi khác (Mua cây trồng, phun thuốc diệt muỗi, côn trùng...)(TM: 7799)	45.560.000
2	Ngân sách không thường xuyên năm 2024	Tổng kinh phí chi (tháng 01/2024 đến tháng 8/2024) chi tiết như sau:	
		Chi hỗ trợ GV có thu nhập thực nhận dưới 6.00.000 đồng/ tháng (TM: 6449)	4.200.000

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học.

2.1. Các khoản thu và mức thu đối với người học(NH 2023-2024)

STT	Nội dung thu (chi)			Mức thu	Thời điểm thu
1	Bắt buộc	BHYT		56.700đ/HS/Tháng	Tháng 9-12/2023
		Xe Đạp		10.000 đ/tháng	Cuối năm học
2	Thỏa thuận	Đồng phục (PHHS đăng kí may bổ sung)	Áo sơ mi cộc	Khối 1: 80.000đ/chiếc Khối 2: 82.000đ/chiếc Khối 3: 84.000đ/chiếc Khối 4: 86.000đ/chiếc Khối 5: 88.000đ/chiếc	Tháng 9-12/2023
			Áo sơ mi dài	Khối 1: 82.000đ/chiếc Khối 2: 84.000đ/chiếc Khối 3: 86.000đ/chiếc Khối 4: 88.000đ/chiếc Khối 5: 90.000đ/chiếc	
			Áo rét 2 lớp	Khối 1: 125.000đ/chiếc Khối 2: 130.000đ/chiếc Khối 3: 135.000đ/chiếc Khối 4: 140.000đ/chiếc Khối 5: 145.000đ/chiếc	
			Quần dài	Khối 1: 88.000đ/chiếc Khối 2: 90.000đ/chiếc Khối 3: 92.000đ/chiếc Khối 4: 94.000đ/chiếc Khối 5: 96.000đ/chiếc	
			Váy	Khối 1: 88.000đ/chiếc Khối 2: 90.000đ/chiếc Khối 3: 92.000đ/chiếc Khối 4: 94.000đ/chiếc	

				Khối 5: 96.000đ/chiếc	
		Giấy vở		130.000đ/HS/ năm	Tháng 9/2023
		SGK lớp 1-5		Thu theo giá niêm yết	Tháng 9/2023
		Nước uống		7.000đ/tháng	Trong năm học
		Tiền học Tiếng Anh	Khôi 1+2	10.000đ/tuần (2 tiết)	Trong năm học
		Tiền học kỹ năng sống		12.000 đ/tuần	Trong năm học
		Tiền học buổi 2:	-Khối 1,2 -Khối 3,4,5:	23.700đ/HS/tuần 33.700đ/HS/tuần	Trong năm học
		Tiền lao động vệ sinh		18.000 đ/hs/tháng	Trong năm học
		Tiền ăn bán trú	Tiền ăn	17.000 đ/ngày	Cuối tháng
			Tiền phụ phí	1.300 đ/ngày	
			Tiền CSPV bán trú	5.900 đ/ngày	
3	Tự nguyện	Vận động tài trợ		Không quy định	Trong năm học
		BHTT		200.000đ/HS/năm	Tháng 9/2023

2.2. Công khai các khoản chi

STT	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
1	Tiền BHYT	234.964.800	
	Nộp chuyển cho cơ quan BHXH huyện	234.964.800	
2	Tiền gửi xe đạp	9.900.000	
	Nộp thuế gửi xe	990.000	
	Trả công cho người trông xe	8.910.000	
3	Tiền đồng phục	29.706.000	
	Nộp về công ty May	29.706.000	
4	Tiền nước uống	21.588.000	
	Chi trả công ty nước theo hợp đồng	21.588.000	
5	Tiền giấy vở	40.430.000	
	Nộp về công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh	40.430.000	
	Tiền SGK	50.938.000	
	Nộp về công ty cổ phần sách và thiết bị GD Hải	50.938.000	

	Dương		
6	Tiền buổi 2	355.481.500	
	Chi trả công tác quản lý	53.321.700	
	Chi cho người trực tiếp giảng dạy	284.322.200	
	Chi cho cơ sở vật chất	17.837.600	
	Trong đó :mua bảng lớp học,mua VPP	17.837.600	
7	Tiền Tiếng Anh	42.350.000	
	Chi trả công ty TA	33.880.000	
	Chi trả công tác quản lý	6.352.500	
	Chi cho CSVC: Thay bóng điện lớp học	2.117.500	
8	Tiền học kỹ năng sống	141.552.000	
	Chi trả công ty KNS	113.241.600	
	Chi trả công tác quản lý	21.232.800	
	Chi cho CSVC: Thay bóng điện lớp học	7.077.600	
9	Tiền BHTT	73.600.000	
	Nộp về công ty Xuân Thành	73.600.000	
10	Tiền lao động vệ sinh	54.080.000	
	Mua vật tư, dụng cụ vệ sinh....	17.180.000	
	Trả công dọn vệ sinh (dọn vệ sinh môi trường, nhà Vệ sinh học sinh).Công cắt cỏ khu vực sân tập HS , khu vực đứng đón HS,khu vực vườn cây trong trường ...	36.900.000	
11	Tiền ăn bán trú	173.126.800	
	Trả công ty thực phẩm	121.618.000	
	Trả tiền nước,gà,điện,chất tẩy rửa., giấy VS,.....	9.300.200	
	Công tác chăm sóc phục vụ bán trú	42.208.600	
12	Tiền vận động tài trợ	102.650.000	
	Sửa phòng tin học	24.060.000	
	Hệ thống quạt lớp học	47.840.000	
	Bàn ghế máy tính, bàn ghế phòng nghệ thuật	30.750.000	

2.3.Các khoản thu và mức thu đối với người học (NH 2024-2025):

STT	Nội dung thu			Mức thu	Thời điểm thu	Mức chi
1	Bắt buộc	Học phí		không		
		Xe đạp		10.000đ/tháng	CHK2	
		BHYT		73.710 đ/tháng	Tháng 9+12	

2	Thu hộ, phục vụ tiếp học trực cho sinh	Đồng phục	Áo sơ mi cộc	Khối 1: 80.000đ/chiếc Khối 2: 82.000đ/chiếc Khối 3: 84.000đ/chiếc Khối 4: 86.000đ/chiếc Khối 5: 88.000đ/chiếc	Tháng 9,10	
			Áo sơ mi dài	Khối 1: 82.000đ/chiếc Khối 2: 84.000đ/chiếc Khối 3: 86.000đ/chiếc Khối 4: 88.000đ/chiếc Khối 5: 90.000đ/chiếc		
			Áo rét 2 lớp	Khối 1: 125.000đ/chiếc Khối 2: 130.000đ/chiếc Khối 3: 135.000đ/chiếc Khối 4: 140.000đ/chiếc Khối 5: 145.000đ/chiếc		
			Quần dài	Khối 1: 88.000đ/chiếc Khối 2: 90.000đ/chiếc Khối 3: 92.000đ/chiếc Khối 4: 94.000đ/chiếc Khối 5: 96.000đ/chiếc		
			Váy	Khối 1: 88.000đ/chiếc Khối 2: 90.000đ/chiếc Khối 3: 92.000đ/chiếc Khối 4: 94.000đ/chiếc Khối 5: 96.000đ/chiếc		
		Học buổi 2		5.000 đ/Tiết	Cuối HK1 Cuối HK2	
		Sách giáo khoa			Phụ huynh tự ĐK qua app với công ty CP sách và TBGD Hebec	
		Vệ sinh		20.000đ/tháng	Thu hai đợt trong năm	

3	Tự nguyện	Vận động tài trợ		Dự kiến Toàn trường vận động số tiền 96.650.000 đồng	Trong năm học	
		BHTT		200.000đ/hs	Tháng 9	
		Nước uống		7.000đ/tháng	Tháng 5	
4	Các khoản thu của các tổ chức đoàn thể khác: Công đoàn, Đoàn thanh niên, chữ thập đỏ...			không		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên và CBQL:

- *Bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên;*

+ Nhà trường căn cứ nhu cầu bồi dưỡng, kế hoạch bồi dưỡng của GV, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng trong hè 2023 và trong năm học 2023-2024.

+ Thực hiện các nội dung bồi dưỡng theo kế hoạch.

+ Tập trung bồi dưỡng các nội dung nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

- *Bồi dưỡng cách thiết kế bài dạy:*

+ Lập kế hoạch bài dạy trên cơ sở định hướng công văn 2345/BGDĐT chuẩn kiến thức kỹ năng với tinh thần ngắn gọn, cô đọng, xúc tích, mềm dẻo, đủ thông tin cần thiết của bài dạy. Mỗi hoạt động cần thể hiện rõ nội dung, cách thức tổ chức, quan tâm đến hoạt động khởi động để tạo hứng thú, tiếp năng lượng cho HS ngay từ đầu giờ học hoạt động vận dụng cần hướng tới việc HS ứng dụng các kiến thức bài học vào cuộc sống.

+ Bộ phận chuyên môn có đánh giá, nhận xét cụ thể, xếp loại KHBD của GV trong cuộc họp CM, họp hội đồng.

- *Bồi dưỡng kỹ năng dạy học trên lớp:*

+ Hàng tháng, Ban giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn dự giờ thăm lớp, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra chuyên đề giáo viên theo kế hoạch và ngoài kế hoạch để đánh giá việc thực hiện quy chế của giáo viên và chất lượng dạy học của thầy và trò.

+ Giáo viên tích cực đi dự giờ đồng nghiệp, dự qua các tiết dạy mẫu có đăng tải trên mạng Internet để học hỏi kinh nghiệm trong giảng dạy. Khi dự giờ GV chú ý đến hoạt động của HS.

+ Trong các tiết học, GV đã tích cực tổ chức các hoạt động khởi động, trò chơi học tập, áp dụng các kỹ thuật dạy học tiên tiến để gây hứng học tập, giúp HS phát triển năng lực, phẩm chất, tiếp thu bài tốt hơn.

- *Bồi dưỡng đội ngũ thông qua tổ chức chuyên đề, hội thảo, hội thi:*

+ Chỉ đạo các tổ chuyên môn đầu tư nhiều thời gian và trí tuệ để thực hiện tốt các chuyên đề, các đợt hội giảng, hội thi,... Đây là những dịp sinh hoạt chuyên môn quan trọng để bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên và động viên kịp thời những giáo viên dạy tốt, tạo nòng cốt vững chắc trong lĩnh vực chuyên môn.

+ Tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn theo khối, tổ chuyên môn trong trường và cụm trường.

- *Công tác tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, CBQL thực hiện Chương trình GDPT 2018; Tổ chức hội thảo, chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn, học tập kinh nghiệm*

+ Triển khai kế hoạch tập huấn cho giáo viên và cán bộ quản lý thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

+ Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

+ Mỗi tổ CM thực hiện 2 chuyên đề/năm học đảm bảo chất lượng. Nhà trường phối hợp với trường TH Tân Quang II, An Đức tổ chức chuyên đề cấp cụm: Đổi mới phương pháp, vận dụng kỹ thuật dạy học, trò chơi học tập trong môn Toán lớp 2.

2. Kết quả triển khai, thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- BGH tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bố trí thời gian thực hiện chương trình hiệu quả bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh, bảo đảm cuối năm học học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình

- Chỉ đạo tổ chuyên môn sinh hoạt chuyên môn, hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

- Tổ chức tập huấn cho 100% GV cách thiết kế kế hoạch bài dạy vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực phẩm chất HS (theo công văn 2345/BGDĐT-GDTH Về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học).

* Đánh giá chung về Chương trình giáo dục phổ thông 2018 sau 4 năm triển khai, nhiều giáo viên nhận định, chương trình mới, SGK mới đã giúp học sinh có cơ hội thực hành nhiều hơn. Thay vì lối truyền thụ kiến thức một chiều như trước kia, giáo viên hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

Chương trình mới tăng số lượng các tiết học thực hành, góp phần giúp học sinh có thêm hứng thú trong học tập. Các hoạt động học tập trong sách có hướng dẫn, gợi ý học sinh chuẩn bị và đánh giá kết quả. Học sinh chủ động khám phá, tiếp nhận kiến thức khi học sách giáo khoa mới. Các em được thực hành trải nghiệm nhiều, hệ thống bài tập, tình huống trong sách mới tạo cơ hội bình đẳng cho tất cả các học sinh có thể phát triển phẩm chất và tư duy sáng tạo.

3. Kết quả tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

- Nhà trường đã tiết kiệm ngân sách sửa sang bàn ghế; trang trí lớp học, thư viện thân thiện.
- Trong năm học, nhà trường đã phối hợp cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh, tích cực tuyên truyền, vận động tài trợ, huy động số tiền 102.650.000 đồng để thực hiện sửa phòng máy vi tính cho HS học tin học; 15 bàn máy phòng tin học; 6 bộ bàn ghế phòng nghệ thuật, thay mới quạt cho các phòng lớp học.
- Đến thời điểm hiện tại, CSVC nhà trường từng bước được sửa chữa, làm mới khang trang; việc sử dụng và đưa vào khai thác hiệu quả, việc bảo quản được quan tâm thường xuyên.

4. Công tác kiểm tra nội bộ trường học

- Hiệu trưởng đã ban hành Quyết định thành lập Ban kiểm tra nội bộ nhà trường năm học 2023 - 2024 với đầy đủ các thành phần theo đúng quy định. Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên.
- Ban kiểm tra nội bộ đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học 2023 – 2024 triển khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn đơn vị, xác định cụ thể đối tượng, nội dung và thời gian kiểm tra.
- Ban giám hiệu phối hợp cùng tổ trưởng chuyên môn, các thành viên ban kiểm tra nội bộ đã làm tốt công tác kiểm tra theo chức năng được phân công. Thực hiện kiểm tra toàn diện, kiểm tra chuyên đề toàn bộ giáo viên để nắm bắt thực tế chất lượng giảng dạy, giáo dục học sinh của giáo viên, từ đó làm cơ sở để bồi dưỡng giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp. Số lượng CBGV, nhân viên được kiểm tra theo kế hoạch: 37/37 đồng chí = 100%.

Kết quả kiểm tra nội bộ năm học 2023-2024 như sau:

- +Kiểm tra chuyên môn, toàn diện: Xếp loại tốt 15/18: 83,3%; Khá: 3/18:16,7 %
- + Kiểm tra chuyên đề, đột xuất: Xếp loại tốt 17/21: 80,9%; Khá: 4/21: 19,1%
- Tuy cán bộ giáo viên trong nhà trường đông song việc quản lý của lãnh đạo nhà trường khá hiệu quả. Hiện tượng đến muộn chậm giờ bỏ lớp không có. Giáo viên, nhân viên tự giác làm việc có ý thức tổ chức kỷ luật cao.
- Nhà trường duy trì tốt nề nếp kỷ cương, các mối quan hệ giữa trò với thầy giữa cán bộ quản lý với giáo viên nhân viên bình đẳng tôn trọng lẫn nhau.
- Học sinh trong nhà trường nhìn chung chuyên cần chăm ngoan.

- Tổ chức khảo sát chất lượng, cuối kỳ, cuối năm nghiêm túc đúng quy chế đánh giá đúng chất lượng dạy và học trong nhà trường.
- Quản lý tốt tài sản tài chính trong nhà trường, thực hiện nghiêm túc quyết định của UBND tỉnh Hải Dương và hướng dẫn liên ngành về thu và sử dụng các khoản thu trong nhà trường.
- Chỉ đạo kịp thời Văn thư-Kế toán làm hồ sơ chi trả đúng chế độ tiền lương, phụ cấp, đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cán bộ quản lý, Giáo viên, nhân viên. Hoàn thiện đầy đủ các loại Hồ sơ thu chi dạy 2 buổi trên ngày đúng theo từng kì. Chỉ đạo rà soát, bổ sung Hồ sơ của Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đúng qui định.

5. Kết quả xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện

- Giữ gìn trường lớp xanh - sạch - đẹp, trồng nhiều cây bóng mát, chăm sóc cây cảnh, cây hoa, vẽ, trang trí bồn hoa, tạo cảnh quan xanh – sạch- đẹp, môi trường thân thiện.
- Thường xuyên làm vệ sinh để đảm bảo các công trình vệ sinh sạch sẽ, phù hợp cho học sinh và giáo viên, thường xuyên cắt cỏ dại xung quanh trường.
- Tăng cường giáo dục học sinh ý thức giữ gìn nhà vệ sinh trong trường học, ý thức bảo vệ và chăm sóc cây xanh.

6. Công tác phối hợp, thông tin, tuyên truyền; chuyển đổi số:

- Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức, đoàn thể trong việc quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.
- Thường xuyên cập nhật các tin bài lên Website của nhà trường đảm bảo tính thời sự, tuyên truyền kịp thời. Thực hiện tốt các nội dung tuyên truyền tại bảng tin của Nhà trường, các nội dung tuyên truyền được cập nhật theo từng tuần, theo tháng, theo các chủ đề sự kiện và chuyên mục trong năm học. Giáo viên các nhóm, lớp thực hiện truyền thông, đăng tải trên Website của trường các Video, hình ảnh đẹp, tin bài về GDATGT, về GD kỹ năng sống, VSATTP. Trong năm học vừa qua đã có nhiều tin bài được đăng trên Website của nhà trường.
- Đưa các thông tin, hình ảnh các hoạt động của nhà trường lên mạng Facebook, Zalo nhằm quảng bá hoạt động của nhà trường.
- Cùng với kênh truyền thông qua website, thông qua gặp gỡ trực tiếp tại các buổi họp, nhà trường còn tạo các nhóm Zalo của trường, nhóm Zalo của Chi bộ, nhóm Zalo của GV-NV, nhóm Zalo của giáo viên với phụ huynh các lớp... để tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của ngành, chính sách đổi mới giáo dục đến cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh, tạo sợi dây gắn kết giữa nhà trường và phụ huynh học sinh.
- Nâng cao công tác tuyên truyền các phong trào, các cuộc vận động, các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Tân Quang theo mẫu 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu